

## BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

**Nhiệm vụ:** Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cầu Sơn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

**Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Thời gian:** Đợt 1 (tháng 2/2018)

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Công Cẩm Sơn (hạ lưu hồ Cẩm Sơn)	Trời lạnh, t° = 7°C, độ ẩm 51%, gió BĐB 10 km/h. Dòng chảy chậm. Tại vị trí lấy mẫu đang xây cầu cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn.	Nước màu xanh, trong.	7.94	4.5	7.89	0	0.070	0.459	120	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Sông Thương tại Hữu Lũng	Trời lạnh, t° = 7°C, độ ẩm 51%, gió BĐB 10 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp.	Nước màu xanh cừ long.	8.38	4.2	7.2	0.1	0.031	0.630	230	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
3	3	Cổng điều tiết Kè Sơn	Trời lạnh, t° = 10°C, độ ẩm 44%, gió BĐB 10 km/h. Cống 5 cửa mở, dòng chảy chậm. Cống 3 cửa đóng.	Nước màu xanh trong.	8.21	6.8	7.26	0.2	0.008	0.367	254	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
4	4	Cổng Quang Hiến	Trời lạnh, t° = 10°C, độ ẩm 44%, gió BĐB 10 km/h. Dòng chảy chậm, do nước bị rò. Cống 5 cửa và 2 cửa đóng nhưng vẫn có nước rò về hạ lưu. Cống 1 cửa điều tiết về kênh Tây mở.	Nước màu xanh.	8.24	4.9	7.27	0.2	0.008	0.374	266	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Cổng điều tiết Đào Mỹ (đầu cống điều tiết Hòa Mỹ)	Trời lạnh, t° = 13°C, độ ẩm 39%, gió ĐB 10 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Cống mở.	Nước màu xanh đen.	7.8	18.9	0.2	0.4	0.326	0.306	519	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
6	6	Cầu K5	Trời lạnh, t° = 17°C, độ ẩm 37%, gió Đông 6 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước thấp.	Nước màu xanh lục.	7.28	5.97	5.15	0.1	0.016	0.304	184	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
7	7	Kênh T19 (cuối kênh Tây)	Trời lạnh, t° = 13°C, độ ẩm 39%, gió ĐB 8 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Dưới kênh nhiều rác thải, phân động vật.	Nước màu nâu đen.	8.16	59.7	0	0.5	246.309	0.470	397	Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Kênh Tô Rông (đầu kênh Giữa)	Trời lạnh, t° = 17°C, độ ẩm 38%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy ri qua cống, cống mở hé. Thượng lưu dồn ứ nhiều rác thải.	Nước màu xanh.	8.27	13.5	5.92	0.2	0.085	0.432	247	Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
9	9	Kênh Kè Hoàn	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 38%, gió ĐB 8 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy, mực nước thấp. Dưới kênh nhiều rác thải và xác động vật chết.	Nước màu xanh.	8.79	1.5	3.46	0.1	0.365	39.600	239	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
10	10	Kênh Hà Vang	Trời lạnh, t° = 14°C, độ ẩm 39%, gió ĐB 8 km/h. Cổng mở, dòng chảy rì, mực nước thấp. Nền kênh rất nhiều rác thải.	Nước màu xanh.	8.89	2.4	4.24	0.1	0.210	0.513	238	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
11	11	Kênh Thái Đào	Trời lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 37%, gió Đông 6 km/h. Cổng đóng, không có dòng chảy. Thượng lưu cổng dồn ứ nhiều rác thải.	Nước màu xanh lục.	8.6	6.8	5.2	0.2	0.163	0.533	256	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
12	12	Kênh G52 (cuối kênh)	Trời lạnh, t° = 16°C, độ ẩm 37%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy ri về hạ lưu.	Nước màu xanh trong.	8.74	6.9	5.9	0.2	0.070	0.486	274	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
13	13	Cầu Quạt (đầu kênh Yên Lại)	Trời nắng, t° = 17°C, độ ẩm 37%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy ri. Thượng lưu công dồn ứ nhiều rác thải tại song chắn rác.	Nước màu xanh trong.	8.87	1.2	5.26	0.2	0.085	0.731	263	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
14	14	Kênh Hà Phú	Trời lạnh, t° = 17°C, độ ẩm 37%, gió Đông 6 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước thấp. Dưới kênh nhiều rác thải.	Nước màu xanh.	7.8	6.8	4.15	0.2	0.070	0.320	322	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
15	15	Kênh Y22 (cuối kênh)	Trời lạnh, t° = 17°C, độ ẩm 36%, gió ĐDB 5 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy.	Nước màu xanh lục.	7.7	13.8	3.62	0.3	0.047	0.563	390	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
16	16	Trạm bơm Bảo Sơn (đầu kênh Bảo Sơn)	Trời lạnh, t° = 13°C, độ ẩm 42%, gió ĐB 10 km/h. Không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động.	Nước màu xanh lục.	8.27	5.2	8.16	0.2	0.008	0.268	268	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
17	17	Kênh V8	Trời lạnh, t° = 17°C, độ ẩm 37%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy rỉ về hạ lưu. Nước đang từ thượng lưu về.	Nước màu nâu đục.	7.52	88.4	3.41	0.1	0.031	0.257	228	<b>Không đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni (mg/l)	Nitrat (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>thủy sinh.</b>
18	18	Kênh V12 (cuối kênh)	Trời lạnh, t° = 17°C, độ ẩm 37%, gió Đông 6 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước thấp.	Nước xanh trong.	8.15	9.8	5.19	0.2	0.039	0.410	288	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

**Ghi chú:**

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

